TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 22 - 3 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thanh và Ông Trịnh Xuân Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 12/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 28/02/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Giám đốc N, chi nhánh huyện H, Hà Tĩnh II (Theo Văn bản ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch HĐTV N);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc T: ông Đặng Xuân H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Hương Khê, Hà Tĩnh II (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019); Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn B; Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngày 15/6/2016 Ngân hàng N ký kết hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H và chồng là ông Nguyễn Văn B vay số tiền 600.000.000đ. Lãi suất cho vay: mức lãi suất 10,5% và được điều chỉnh 03 tháng/lần hoặc được điều chỉnh ngay khi lãi suất cho vay trên thị trường có biến động đột xuất phù hợp

với quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng N; kỳ hạn trả lãi 06 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn, khi đến kỳ hạn trả nợ nếu bên vay không trả nợ đúng hạn gốc, lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên cho vay sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất quá hạn số tiền thực tế quá hạn, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%. Thời hạn cho vay 12 tháng, kể từ ngày 15/6/2016.

Nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14062016/HĐTC ngày 14/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng N với đại diện bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Ngọc H cùng đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn B. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký ngày 15/6/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hương Khê.

Ngân hàng N đã thực hiện việc giải ngân theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền là 600.000.000đ. Khách hàng đã trả tiền lãi phát sinh đến ngày 20/02/2018 với số tiền là 107.800.000đ và chưa trả được nợ gốc. Đến nay khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã đến hạn trả nợ gốc, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, làm việc nhưng khách hàng vẫn không trả được nợ gốc và tiền lãi đúng hạn cho Ngân hàng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/3/2019) bà H, ông B còn nợ Ngân hàng N các khoản như sau: Nợ gốc: 600.000.000 đồng; Lãi: 93.625.000 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 69.125.000 đồng và lãi quá hạn là 24.500.000 đồng); Tổng cộng: 693.625.000 đồng.

Ngân hàng N đề nghị Tòa án buộc bà H, ông B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22/3/2019 là 693.625.000 đồng. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bà H, ông B phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Nếu khách hàng không trả đầy đủ số nợ trên đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Tại bản tự khai và phiên hòa giải bị đơn bà H thừa nhận các nội dung liên quan đến việc ký kết, thực hiện Hợp đồng và yêu cầu khởi kiện các khoản nợ đúng như đại diện của nguyên đơn trình bày. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng hiện nay gia đình bà rất khó khăn do làm ăn thua lỗ, chồng là ông Nguyễn Văn B đang đi điều trị bệnh nên chưa có khả năng trả nợ. Do đó xin Ngân hàng giảm lãi và gia hạn trả nợ thêm 10 tháng sau vợ chồng sẽ bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B không mặt tại Tòa án theo các thông báo triệu tập và cũng không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.

Ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Hương Khê tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn B không có mặt tại Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp

cận công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy thông báo của Tòa án. Bị đơn bà H, ông B vắng mặt hai lần tại phiên tòa không rõ lý do đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 274, 275, 280, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 357, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Khoản 16 Điều 4, Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 693.625.000 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 93.625.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Hân, ông Bắc tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 15/6/2016 cho đến khi bà H, ông B thực hiện xong việc trả nợ. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trả lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng N với bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn B đều có địa chỉ tại tổ dân phố X, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, Hà Tĩnh.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có mặt tại Tòa án 01 lần theo giấy triệu tập và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Còn bị đơn ông B đều vắng mặt không rõ lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ để mở phiên tòa, nhưng bị đơn bà H, ông B đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 13/6/2016 vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn B ký Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn phục

vụ nhu cầu đời sống gửi Ngân hàng N; đồng thời, ngày 14/6/2016 ông Nguyễn Văn B là chủ hộ gia đình ủy quyền cho vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc H làm đại diện theo pháp luật cho hộ gia đình trong mọi quan hệ vay vốn với Ngân hàng N (các văn bản đều có chứng thực của UBND thị trấn Hương Khê). Trên cơ sở đó, ngày 15/6/2016 giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh và bà Nguyễn Thị Ngọc H (Đại diện cho bên vay) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 14062016/HĐTD. Xét thấy giấy đề nghị vay vốn ngày 13/6/2016, Giấy ủy quyền ngày 14/6/2016 và Hợp đồng tín dụng giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện; những người tham ký kết có đủ thẩm quyền, đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự; hình thức, nội dung không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Như vậy, nội dung và hình thức hợp đồng đã tuân thủ Điều 116, 117, 119 Bộ luật Dân sự, nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Vì vậy, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng N đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân số tiền 600.000.000đ cho khách hàng, nhưng đến nay khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cam kết trong hợp đồng. Do bà H, ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N đã khởi kiện buộc trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đều thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 600.000.000đ và tiền nợ lãi đến thời điểm khởi kiện như đại diện của nguyên đơn trình bày. Xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H, ông B phải trả số tiền 693.625.000đ đồng là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, buộc bị đơn bà H, ông B phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 600.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa thanh toán là 93.625.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 15/6/2016.

[2.3] Về Hợp đồng thế chấp và xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14062016/HĐTC ngày 14/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh với bà Nguyễn Thị Ngọc H làm đại diện chủ hộ, theo đó: Bên thế chấp tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 130m^2 đất ở, tại tổ dân phố 6, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ219275 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc H do UBND huyện Hương Khê cấp ngày 13/6/2016 và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 02 tầng, 06 phòng, mái đổ bằng lợp ngói, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp được ký kết có đầy đủ chữ ký của các bên, được chứng thực tại UBND thị trấn Hương Khê và được đăng ký thế chấp ngày 15/6/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hương Khê theo

đúng quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo. Xét thấy nội dung và hình thức của Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, nên xác định là hợp đồng là hợp pháp. Do đó, trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 323, 299 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp. Bị đơn bà H, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 116, 117, 119; 463, 466; 298, 317, 318, 319; 323, 299 của Bộ luật Dân sự. Các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng. Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là 693.625.000 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 93.625.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/3/2019), bà H, ông B tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 15/6/2016.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn B phải nộp 31.745.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N 15.295.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004250 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Khê;
- Chi cục THADS huyện Hương Khê;
- Lưu HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng